

# Báo cáo Thị trường Hồ tiêu

## Tháng 4 2025

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường hồ tiêu trong nước và thế giới.



# Mục lục

|                                                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Tóm tắt .....                                                               | 03        |
| <b>Phần I: Thị trường hồ tiêu thế giới .....</b>                            | <b>04</b> |
| 1. Sản xuất - tiêu thụ .....                                                | 04        |
| 2. Xuất khẩu, nhập khẩu .....                                               | 04        |
| 3. Diễn biến giá .....                                                      | 09        |
| <b>Phần II: Thị trường hồ tiêu Việt Nam .....</b>                           | <b>11</b> |
| 1. Nguồn cung .....                                                         | 11        |
| 2. Nhập khẩu .....                                                          | 11        |
| 3. Tình hình xuất khẩu .....                                                | 12        |
| 4. Diễn biến giá .....                                                      | 16        |
| 5. Dự báo .....                                                             | 17        |
| <b>Phần III: Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành .....</b> | <b>18</b> |
| <b>Phần IV: Sự kiện nổi bật trong ngành hồ tiêu .....</b>                   | <b>20</b> |
| <b>Phụ lục .....</b>                                                        | <b>21</b> |

## Viết tắt, giải nghĩa

**ASTA:** Hiệp hội Thương mại Gia vị Mỹ

**Comex Stat:** Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil

**CPSF:** Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị Campuchia

**IPC:** Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế

**BPS:** Cơ quan Thống kê Indonesia

**IPSTA:** Hiệp hội Thương mại Hồ tiêu và Gia vị Ấn Độ

**KPPA:** Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot

**USITC:** Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

**VPSA:** Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam

*Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.*

# Tóm tắt

- Sản lượng hồ tiêu toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong năm 2025, đặc biệt tại các quốc gia sản xuất chính như Ấn Độ, Indonesia và Sri Lanka, do lợi nhuận kinh tế thấp, thời tiết bất lợi và chi phí sản xuất tăng cao.
- Xuất khẩu hồ tiêu của nhiều nước đã tăng mạnh trong những tháng đầu năm. Lũy kế 4 tháng đầu năm, xuất khẩu hồ tiêu của Brazil đạt 33.648 tấn, kim ngạch 205,6 triệu USD, tăng 29,7% về lượng và gấp 2,2 lần về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024.
- Từ đầu tháng 4, giá tiêu bắt đầu xu hướng giảm do lo ngại về chính sách thuế quan mới của Mỹ. Những bất ổn liên quan đến thuế nhập khẩu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý thị trường, khiến hoạt động giao dịch và ký kết đơn hàng trở nên thận trọng hơn. Tính đến ngày 20/5, giá tiêu đen Brazil đã giảm 200 USD/tấn, Việt Nam giảm 400–500 USD/tấn và Malaysia giảm sâu nhất 700 USD/tấn.
- Xuất khẩu tiêu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm đạt 73.647 tấn, trị giá 508,4 triệu USD, giảm 11,3% về lượng nhưng vẫn tăng mạnh 44,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- Lượng xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Mỹ tiếp tục giảm trong khi các thị trường khác lại tăng rất mạnh. Trên thị trường nội địa, giá tiêu đã giảm 4 – 5%, khoảng 7.000 – 9.000 đồng/kg kể từ đầu tháng 4.
- Việt Nam đã nhập khẩu 5.688 tấn hồ tiêu các loại trong tháng 4, với tổng kim ngạch đạt 36,7 triệu USD, tăng 15,1% về lượng và 27,2% về kim ngạch so với tháng trước. Đáng chú ý, lượng nhập khẩu trong tháng này gần tiệm cận kỷ lục cao nhất từng được ghi nhận là 5.747 tấn vào tháng 5/2021.
- Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) nhận định xuất khẩu tiêu trong quý II và thời gian tới sẽ tiếp tục gặp khó khăn do giá cao nên các nhà xuất khẩu và nhập khẩu bị áp lực về tài chính, đồng thời chính sách thuế của Mỹ có thể sẽ bị thay đổi nên các đơn hàng ký giao xa sẽ bị hạn chế trong thời điểm hiện tại.

# Phần I: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU THẾ GIỚI



Thương mại hồ tiêu toàn cầu diễn ra khá sôi động trong những tháng đầu năm 2025, với nhu cầu duy trì ở mức cao tại Mỹ cùng với xuất khẩu gia tăng tại Brazil và Indonesia. Dù vậy, giá tiêu bắt đầu xu hướng giảm kể từ đầu tháng 4, do lo ngại về chính sách thuế quan mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump. Những bất ổn liên quan đến thuế nhập khẩu đã ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý thị trường, khiến hoạt động giao dịch và ký kết đơn hàng trở nên thận trọng hơn.

## 1 Sản xuất - Tiêu thụ

Các báo cáo gần đây cho thấy sản lượng hồ tiêu toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong năm 2025, đặc biệt tại các quốc gia sản xuất chính như Ấn Độ, Indonesia và Sri Lanka. Nguyên nhân được cho là do lợi nhuận kinh tế thấp so với các loại cây trồng khác, thời tiết bất lợi và chi phí sản xuất tăng cao.

Theo dự báo của Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), sản lượng toàn cầu có thể giảm 6,1%, trong khi nhu cầu tiêu thụ vẫn tiếp tục tăng. Do đó, giá hồ tiêu nhiều khả năng sẽ duy trì ở mức cao trong suốt năm 2025.

Liên quan đến các chính sách thuế quan gần đây của Mỹ, bà Firna Azura Ekaputri, Giám đốc Điều hành IPC nhiệm kỳ 2021–2025, bày tỏ lo ngại rằng chính sách này có thể gây bất lợi cho nông dân trồng hồ tiêu vì Mỹ không sản xuất hồ tiêu và mỗi năm nhập

khẩu khoảng 100.000 tấn, tương đương 25% lượng giao dịch toàn cầu.

“Hồ tiêu không chiếm công ăn việc làm của nông dân Mỹ vì cây trồng này không thể trồng được ở nước họ,” bà Firna nhấn mạnh trong một thông cáo báo chí.

Do đó, IPC đã gửi văn bản chính thức đề nghị Chính phủ Mỹ xem xét loại hồ tiêu khỏi danh sách các sản phẩm chịu thuế quan đối ứng.

Trong khi đó, tân Giám đốc Điều hành IPC nhiệm kỳ 2025–2028, bà Marina Novira Anggraini, đã kêu gọi tất cả các bên liên quan cùng ngồi lại để tìm giải pháp vượt qua những thách thức hiện tại. Sự tham gia tích cực từ phía chính phủ, các hiệp hội và người trồng tiêu là rất cần thiết để bảo đảm sự bền vững của ngành hồ tiêu.

## 2 Xuất khẩu, nhập khẩu

### a. Xuất khẩu



**Brazil:** Ước tính ban đầu cho tổng sản lượng hồ tiêu của Brazil năm 2025 nằm trong khoảng 85.000 đến 90.000 tấn tăng đáng kể so với sản lượng 2024 là 75.000 tấn. Espírito Santo hiện đang hoàn thành vụ thu hoạch chính đầu tiên trong năm, dự kiến sản lượng khoảng 20.000 tấn.

Theo số liệu từ Comexstat, Brazil đã xuất khẩu 10.566 tấn hồ tiêu trong tháng 4, thu về 60,1 triệu USD, giảm 2,9% về lượng và 12,9% về kim ngạch so với tháng trước, nhưng so với cùng

kỳ năm ngoái lại tăng mạnh 39,1% về lượng và 99,2% về kim ngạch.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, xuất khẩu hồ tiêu của Brazil đạt 33.648 tấn, kim ngạch 205,6 triệu USD, tăng 29,7% (tương đương 7.709 tấn) về lượng và gấp 2,2 lần về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024.

Giá tiêu xuất khẩu bình quân trong 4 tháng đầu năm đạt 6.110 USD/tấn, tăng 69,7% so với cùng kỳ. Riêng trong tháng 4, giá đạt 5.693 USD/tấn, giảm 10,3% so với tháng trước nhưng vẫn cao hơn 43,2% so với tháng 4/2024 (**Biểu đồ 1**).

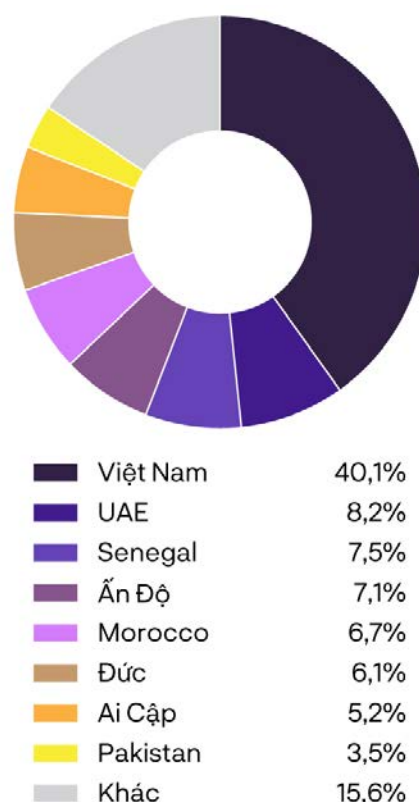
Về thị trường, Việt Nam là thị trường nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất của Brazil trong 4 tháng đầu năm, chiếm 40,1% thị phần với khối lượng đạt 13.505 tấn, kim ngạch 79 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, khối lượng nhập khẩu tăng 2,9 lần, còn kim ngạch tăng gấp 5,1 lần. Giá tiêu Brazil xuất khẩu sang Việt Nam đạt trung bình 5.853 USD/tấn, tăng 76,6% so với cùng kỳ năm 2024.

Các thị trường nhập khẩu lớn tiếp theo gồm UAE: 2.763 tấn, tăng 4,4%; Senegal: 2.526 tấn, tăng 19,5%; Ấn Độ: 2.378 tấn, giảm 16,9%; Morocco: 2.261 tấn, giảm 17,1%...

Việc một số nhà máy chế biến hồ tiêu ở Brazil hoàn thành và xử lý được vi khuẩn Samonella đã giúp xuất khẩu hồ tiêu của nước này sang Đức tăng 69,1%, đạt 2.047 tấn. Tuy nhiên xuất khẩu sang Mỹ lại giảm 17,5% so với cùng kỳ và đạt 703 tấn (**Biểu đồ 2**).

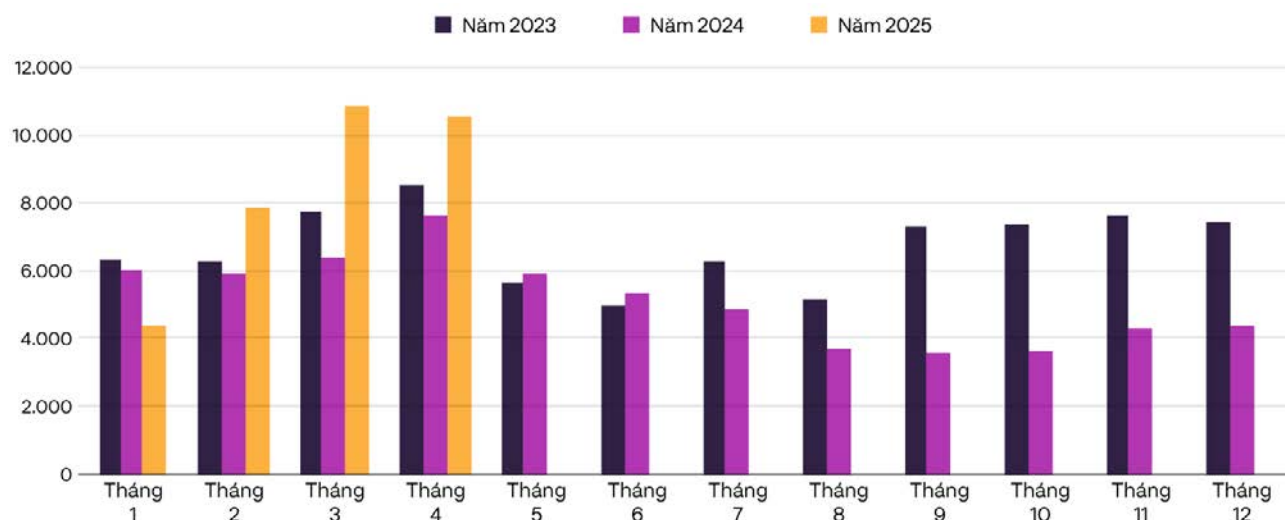
**Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tiêu của Brazil trong 4 tháng đầu năm 2025**

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



**Biểu đồ 1: Xuất khẩu tiêu của Brazil qua các tháng năm 2023-2025**

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



 **Indonesia:** Năm 2024, Indonesia xếp thứ ba thế giới về sản lượng hồ tiêu, với diện tích canh tác đạt 163 nghìn ha. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Indonesia đạt hơn 311 triệu USD, với sản lượng xuất khẩu tăng vọt 105,8% so với năm 2023.

Bước sang quý I/2025, lượng hồ tiêu xuất khẩu của Indonesia ra thị trường quốc tế tiếp tục tăng mạnh 54,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 12.341 tấn, theo số liệu của Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS).

Trong đó, các thị trường xuất khẩu chính của ngành tiêu Indonesia trong quý đầu năm gồm: Việt Nam đạt 3.094 tấn, tăng 2,5 lần và chiếm 25,1% thị phần; Mỹ: 2.128 tấn, tăng 18,3% và chiếm 17,2%; Trung Quốc: 2.047 tấn, tăng 2,7 lần và chiếm 16,6%; Ấn Độ: 1.526 tấn, tăng 55,3% và chiếm 12,4%...

Tăng trưởng xuất khẩu gần đây cho thấy tiềm năng lớn của ngành hồ tiêu Indonesia trên thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, ngành này vẫn đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng như: năng suất giảm do cây trồng già cỗi, dịch bệnh, và hạn chế trong khâu chế biến sau thu hoạch – ảnh hưởng đến chất lượng và năng lực cạnh tranh.

Trong bối cảnh đó, chính phủ cam kết nâng cao năng lực ngành thông qua hợp tác công – tư và quốc tế. Chiến lược phát triển tập trung vào thâm canh, tận dụng FTA, phát triển sản phẩm giá trị gia tăng và xúc tiến thương mại toàn cầu.

Với vai trò là nước chủ nhà của Ban Thư ký IPC, Indonesia giữ vị thế chiến lược trong việc thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia sản xuất hồ tiêu. Với 7 quốc gia thành viên chiếm 70% sản lượng hồ tiêu toàn cầu, IPC đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng giữa cung và cầu trên thị trường thế giới.



**Malaysia:** Thông tin từ tờ *MalaysiaGazette*, giá trị xuất khẩu hồ tiêu của Malaysia trong năm 2024 đã ghi nhận mức tăng ấn tượng 24% lên 186,67 triệu RM so với mức 149,97 triệu RM của năm trước.

Thứ trưởng Bộ Trồng trọt và Hàng hoá Malaysia, ông Datuk Chan Foong Hin, cho biết nhu cầu đối với hồ tiêu Malaysia vẫn duy trì ở mức cao nhờ vào yếu tố chất lượng, đặc biệt là hàm lượng thuốc trừ sâu thấp và hương thơm đặc trưng, điều này đã thúc đẩy nhu cầu mạnh mẽ trên thị trường, đặc biệt là tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước châu Âu.

“Khả năng cạnh tranh của hồ tiêu Malaysia trên thị trường quốc tế không chỉ nằm ở số lượng sản xuất mà quan trọng hơn là chất lượng và việc gia tăng giá trị cho hồ tiêu và các sản phẩm từ hồ tiêu,” ông Foong Hin cho biết.

Do đó, ông kêu gọi Hội đồng Hồ tiêu Malaysia (MPB) tiếp tục tăng cường mạng lưới hợp tác với các bên hoạt động trong ngành hồ tiêu nhằm đưa ngành hồ tiêu quốc gia phát triển lên tầm cao mới và bền vững.

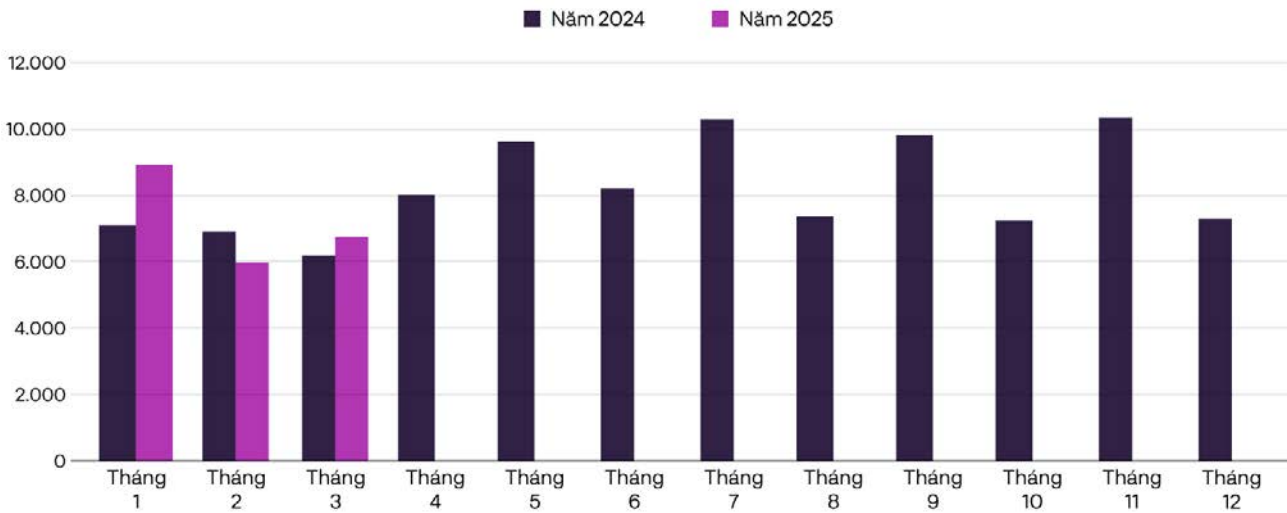
Cam kết của MPB trong việc phát triển ngành hồ tiêu được thể hiện thông qua các chương trình tiếp cận cộng đồng, thường xuyên hỗ trợ nông dân thông qua các chương trình mở rộng diện tích trồng và chăm sóc cây hồ tiêu trưởng thành trong suốt giai đoạn thực hiện Kế hoạch Malaysia lần thứ 12 (2021-2025).

MPB kỳ vọng thông qua cách tiếp cận này sẽ nâng cao kỹ năng và kiến thức của nông dân trong việc canh tác hồ tiêu một cách hiệu quả hơn.

Tính đến năm 2024, đã có 6.980 nông dân trồng hồ tiêu tại khu vực Julau với tổng diện tích 2.138 ha đăng ký trong Hệ thống E-Pekebun của MPB.

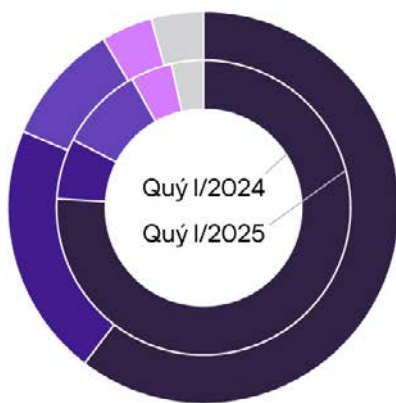
**Biểu đồ 3: Nhập khẩu tiêu của Mỹ qua các tháng năm 2024-2025**

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ USITC.



**Biểu đồ 4: Cơ cấu nguồn cung hồ tiêu cho thị trường Mỹ quý I/2024 và quý I/2025**

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ USITC.



|           | Quý I<br>2024 | Quý I<br>2025 |
|-----------|---------------|---------------|
| Việt Nam  | 76%           | 61%           |
| Indonesia | 7%            | 21%           |
| Ấn Độ     | 9%            | 10%           |
| Brazil    | 5%            | 4%            |
| Khác      | 3%            | 4%            |

## b. Nhập khẩu

 **Mỹ:** Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC), trong tháng 3, nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ đạt 6.741 tấn, tăng 13,4% so với tháng trước và tăng gần 17% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế đến hết quý I năm nay, nhập khẩu hồ tiêu của nước này đạt 21.586 tấn, kim ngạch gần 159 triệu USD, tăng 8,7% về lượng và 66,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 (**Biểu đồ 3**).

Trong quý I năm nay, Việt Nam tiếp tục đứng đầu về xuất khẩu tiêu vào thị trường Mỹ, với khối lượng đạt 13.036 tấn, kim ngạch 98,5 triệu USD,

giảm 13,6% về lượng nhưng tăng 38,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này khiến cho thị phần của Việt Nam trong tổng lượng hồ tiêu nhập khẩu của Mỹ đã giảm từ mức 76% xuống còn 60,4%.

Các thị trường cung cấp lớn tiếp theo là Indonesia chiếm 20,9% thị phần đạt 4.522 tấn, tăng 241,7%; Ấn Độ chiếm 10,1% thị phần đạt 2.181 tấn và tăng 18,5% (**Biểu đồ 4**).

Đáng chú ý, trong số ba nguồn cung kể trên, giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong quý I, tăng tới 60,2% so với cùng kỳ, đạt bình quân 7.556 USD/tấn. Đồng thời cao hơn mức giá 7.137 USD/tấn của Indonesia và 6.825 USD/tấn của Ấn Độ.

Theo các chuyên gia, sau khi Mỹ công bố chính sách thuế đối ứng, hồ tiêu Việt Nam đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ sản phẩm của Brazil và Indonesia do mức thuế của hai nước này thấp hơn.

Trước diễn biến khó lường của thị trường, Chính phủ đã giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu giải pháp hỗ trợ thu mua tạm trữ các mặt hàng nông sản để rớt giá như lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, nhằm ổn định thu nhập cho nông dân trong mùa thu hoạch rộ.

Đồng thời, yêu cầu các bộ, ngành và địa phương bám sát diễn biến thương mại toàn cầu, chủ động điều hành linh hoạt, kịp thời cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp để đối phó hiệu quả với những thách thức từ bất ổn thương mại quốc tế.

 **Anh:** Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu hồ tiêu của Anh trong quý I năm nay đạt 2.704 tấn, trị giá 20,2 triệu USD, tăng 12,2% về lượng và tăng 48,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng tiêu này được nhập khẩu từ 37 thị trường khác nhau trên thế giới. Đứng đầu là Việt Nam, chiếm 56% tổng lượng và gần 60% tổng trị giá nhập khẩu, đạt 1.513 tấn, trị giá 12,1 triệu USD, tăng 10,2% về lượng và tăng 67% về trị giá.

Giá nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam vào thị trường Anh trong quý I/2025 đạt 7.973 USD/tấn, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm 2024, mức tăng mạnh nhất so với các thị trường cung cấp chủ lực tiêu vào Anh. Trong khi đó, giá bình quân nhập khẩu hồ tiêu của Anh từ thị trường Indonesia đạt mức cao nhất là 9.018 USD/tấn, tiếp đến là Ấn Độ đạt 8.749 USD/tấn.



**Ấn Độ:** Theo *Thehindubusinessline*,

lượng tiêu đen nhập khẩu tăng vọt đã khiến các thương nhân kêu gọi chính phủ thực hiện các biện pháp bảo vệ người trồng tiêu trong nước, bao gồm đàm phán lại các ưu đãi thuế quan và thiết lập giá nhập khẩu tối thiểu (MIP) cho mặt hàng gia vị này.

Ông Aswath Balaji, Giám đốc vận hành của Hectar Global (một startup thương mại nông sản tại Chennai), cho biết tiêu Sri Lanka được thông quan với giá dưới 650 Rupee/kg, bán lẻ khoảng 675 Rupee, trong khi tiêu Ấn Độ vẫn giữ mức 700 Rupee/kg dù đã giảm 5% trong ba tuần qua. Các nhà sản xuất gia vị đang tận dụng nguồn hàng nhập khẩu giá rẻ, trong khi nhiều bên mua khác vẫn chờ giá giảm thêm.

Vụ tiêu mới của Sri Lanka dự kiến thu hoạch từ tháng 6 sẽ tiếp tục tạo áp lực giảm giá, đặc biệt do Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) giữa Ấn Độ và Sri Lanka cho phép miễn thuế với 2.500 tấn đầu tiên và chỉ áp thuế 8% với phần vượt quá, khiến giá tiêu nhập khẩu thấp hơn đáng kể so với giá nội địa.

Do đó, ông Balaji kêu gọi chính phủ đàm phán lại các FTA với Sri Lanka, các nước Nam Á và ASEAN, thiết lập giá nhập khẩu tối thiểu, tăng cường giám sát thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu cho tiêu Ấn Độ, và hỗ trợ sản xuất tiêu chất lượng cao trong nước. Niên vụ 2024–2025, Nhập khẩu tiêu của Ấn Độ từ Sri Lanka lên tới 24.000 tấn, tăng mạnh so với 14.000 tấn của vụ mùa trước.

Tại Ấn Độ, sản lượng tiêu niên vụ 2025–2026 được dự báo đạt khoảng 75.000 - 76.000 tấn, giảm mạnh từ mức 126.000 tấn của năm trước. Hiện 50% vụ thu hoạch tại các khu vực sản xuất chính đã hoàn tất.

Nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu hàng năm của Ấn Độ ước đạt khoảng 60.000 tấn và vẫn đang tăng nhờ xu hướng quan tâm đến sức khỏe, sử dụng trong ẩm thực và các ứng dụng y học. Lượng tồn kho chuyển sang năm mới khoảng 50.000 tấn được kỳ vọng sẽ giúp giảm áp lực cung ứng. Lượng dư thừa này cũng giúp Ấn Độ duy trì khả năng xuất khẩu tiêu.

Từ tháng 4 đến tháng 2 của năm tài khóa 2024–2025, Ấn Độ đã xuất khẩu hơn 19.000 tấn hồ tiêu, đạt giá trị 80,23 triệu USD, tăng 18% về khối lượng và 40% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

### 3 Diễn biến giá

Trong tháng 4, giá tiêu thế giới có nhiều biến động, sau khi giảm trong nửa đầu tháng, giá hạt tiêu đã quay đầu tăng trở lại trong nửa cuối tháng, nhưng vẫn thấp hơn so với cuối tháng trước. Theo dữ liệu từ Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), giá tiêu đen xuất khẩu của Indonesia giảm 0,8% trong

tháng vừa qua, Brazil giảm 1,4%, Việt Nam giảm từ 4,2% đến 5,5%, trong khi Malaysia ghi nhận mức giảm mạnh nhất, lên tới 6,1%.

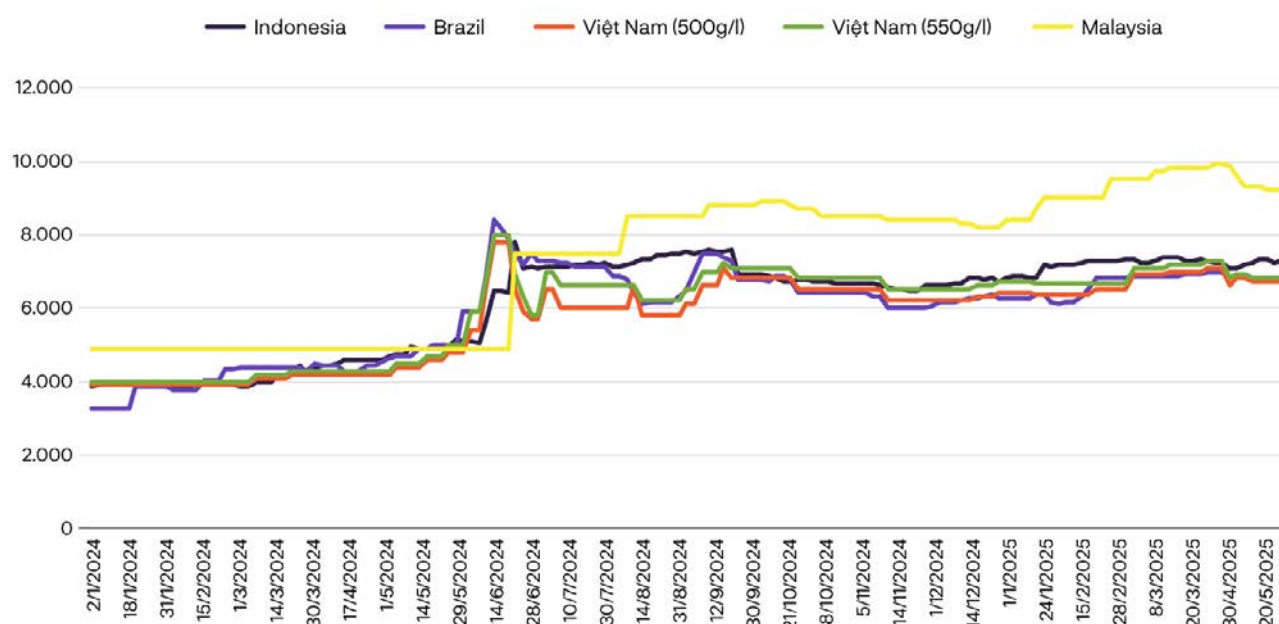
Xu hướng giảm tiếp tục kéo dài trong 20 ngày đầu tháng 5. Cụ thể, tiêu đen Brazil được niêm yết ở mức 6.800 USD/tấn, giảm thêm 1,4%. Tại Việt Nam, tiêu đen loại 500 g/l và 550 g/l giảm từ 1,4% đến 1,5%, dao động trong khoảng 6.700 – 6.800 USD/tấn. Tại Malaysia, giá cũng giảm 1,1%, xuống còn 9.200 USD/tấn.

Indonesia là điểm sáng duy nhất trong bức tranh ảm đạm của thị trường tiêu thế giới, khi giá tiêu nước này ghi nhận mức tăng nhẹ 1,7%, lên 7.301 USD/tấn.

Tính từ đầu tháng 4 đến ngày 20/5, giá tiêu Indonesia tăng 62 USD/tấn, trong khi Brazil giảm 200 USD/tấn, Việt Nam giảm 400–500 USD/tấn và Malaysia giảm sâu nhất 700 USD/tấn. Nguyên nhân được cho là do những lo ngại các chính sách thuế quan mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump (*Biểu đồ 5*).

**Biểu đồ 5: Diễn biến giá tiêu đen thế giới từ năm 2024 đến ngày 20/5/2025**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.

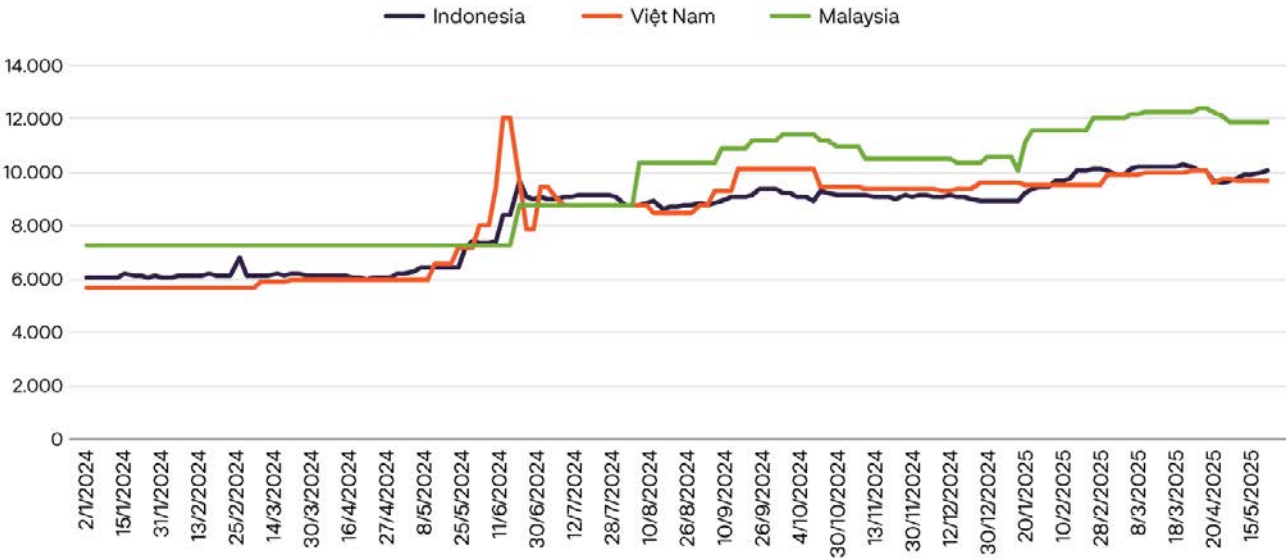


Không nằm ngoài xu hướng chung, giá tiêu trắng Indonesia, Malaysia và Việt Nam lần lượt giảm 3,4%, 3% và 4% trong tháng 4 vừa qua, xuống còn 9.724 USD/tấn, 9.800 USD/tấn và 11.900 USD/tấn.

Tiếp đó, trong 20 ngày đầu tháng 5, giá tiêu trắng Việt Nam giảm thêm 1% về mốc 9.700 USD/tấn; còn tiêu trắng Malaysia giữ nguyên ở mức 11.900 USD/tấn. Riêng tiêu trắng của Indonesia phục hồi và tăng 3,4% lên 9.724 USD/tấn **(Biểu đồ 6)**. ■

**Biểu đồ 6: Diễn biến giá tiêu trắng thế giới từ năm 2024 đến ngày 20/5/2025**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



# Phần II: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU VIỆT NAM



**Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Mỹ tiếp tục giảm trong khi các thị trường khác lại tăng rất mạnh. Trên thị trường nội địa, giá tiêu đã giảm 7.000 – 9.000 đồng/kg kể từ đầu tháng 4 do ảnh hưởng bởi chính sách thuế quan mới gần đây của Mỹ.**

## 1 Nguồn cung

Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) cho biết, vụ thu hoạch hồ tiêu của Việt Nam dự kiến sẽ thu hoạch cho đến hết tháng 4/2025. Không như những năm trước, thời điểm thu hoạch hồ tiêu thì giá giảm do nguồn cung dồi dào, tuy nhiên giá tiêu nội địa luôn ở mức trên dưới 150.000 đồng/kg từ đầu năm đến nay do người nông dân bán cầm chừng, một số nông dân thu hoạch cả sầu riêng và cà phê đang cho giá tốt nên không bị áp lực về tài chính bán ra.

Mặc dù giá tiêu năm nay vẫn tăng so với năm ngoái, nhưng việc tái canh cây trồng này không diễn ra mạnh tại các tỉnh do không còn đất mới hoặc người nông dân trồng những cây có giá trị kinh tế cao hơn, nên diện tích sẽ khó tăng trong năm 2025.

## 2 Nhập khẩu

Theo số liệu sơ bộ của VPSA, Việt Nam đã nhập khẩu 5.688 tấn hồ tiêu các loại trong tháng 4, với tổng kim ngạch đạt 36,7 triệu USD, tăng 15,1% về lượng và 27,2% về kim ngạch so với tháng trước. Đáng chú ý, lượng nhập khẩu trong tháng này gần tiệm cận kỷ lục cao nhất từng được ghi nhận là 5.747 tấn vào tháng 5/2021.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu 15.374 tấn hồ tiêu các loại, trong đó tiêu đen đạt 11.750 tấn và tiêu trắng đạt 3.624 tấn, với tổng kim ngạch nhập khẩu là 88,3 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2024 lượng nhập khẩu tăng 25,3%, trong khi kim ngạch tăng tới 104,8%.

Trong 4 tháng đầu năm, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu hồ tiêu từ Brazil: 8.155 tấn, tăng 33,1%, Indonesia: 4.288 tấn, tăng 207,8% và Campuchia: 1.906 tấn, giảm 49,3%.

Olam là doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất với 4.094 tấn, so cùng kỳ giảm 20,7% và chiếm 26,6% thị phần nhập khẩu. Tiếp theo là các doanh nghiệp: Trân Châu: 1.604 tấn, tăng 6,9%; Phúc Thịnh: 1.128 tấn, tăng 328,9%...



Ảnh: Saco Travel.

Nhiều người cho rằng việc Việt Nam – quốc gia xuất khẩu hồ tiêu số 1 thế giới với 50% sản lượng toàn cầu – vẫn nhập khẩu hồ tiêu là điều bất thường. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, đây là hoạt động bình thường trong cơ chế thị trường. Phần lớn hồ tiêu nhập khẩu được doanh nghiệp sử dụng để chế biến và tái xuất khẩu, góp phần giữ vững vị thế dẫn đầu của ngành.

Hồ tiêu nhập chủ yếu từ các nước trong khu vực và Brazil. Dù chất lượng không bằng hồ tiêu Việt Nam, hồ tiêu Brazil có giá rẻ hơn, giúp doanh nghiệp phối trộn và tối ưu chi phí. Việc phối trộn này cũng được áp dụng tại nhiều quốc gia khác trước khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng (**Bảng 1**).

3 Tình hình xuất khẩu

Số liệu của Cục Hải quan cho thấy, trong tháng 4, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 26.428 tấn, trị giá 184,1 triệu USD, tăng mạnh 31,7% về lượng và 31,1% về trị giá so với tháng trước, đồng thời so với cùng kỳ năm ngoái tăng 0,7% về lượng và 58,3% về trị giá.

Tính chung 4 tháng đầu năm, xuất khẩu mặt hàng gia vị này đạt 73.647 tấn, trị giá 508,4 triệu USD, giảm 11,3% về lượng nhưng vẫn tăng mạnh 44,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 nhờ giá tăng cao (**Biểu đồ 7**).

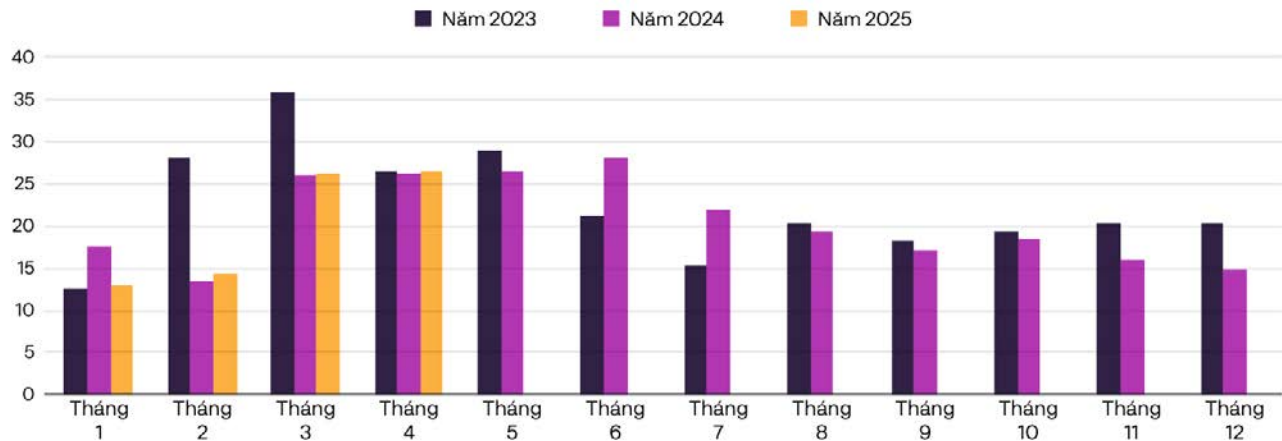
**Bảng 1: Việt Nam nhập khẩu hồ tiêu từ các thị trường chính trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025**

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

| Quốc gia   | Tháng 4/2025 (tấn) | So với tháng 3/2025 (%) | 4 tháng đầu năm 2025 (tấn) | So với 4 tháng năm 2024 (%) | Thị phần 4 tháng năm 2025 (%) |
|------------|--------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Brazil     | 3.792              | ▲ 23,9                  | 8.155                      | ▲ 33,1                      | 53,0                          |
| Indonesia  | 581                | ▼ 40,5                  | 4.288                      | ▲ 207,8                     | 27,9                          |
| Campuchia  | 1.171              | ▲ 127,8                 | 1.906                      | ▼ 49,3                      | 12,4                          |
| Việt Nam   | 99                 | ▼ 62,2                  | 648                        | ▲ 133,1                     | 4,2                           |
| Trung Quốc | 22                 | ▼ 69,4                  | 130                        | ▼ 29,3                      | 0,8                           |
| Malaysia   | 2                  | ▼ 93,1                  | 121                        | ▲ 11,0                      | 0,8                           |
| Madagascar |                    |                         | 40                         | ▲ 100,0                     | 0,3                           |
| Ấn Độ      | 1                  |                         | 24                         | ▼ 14,3                      | 0,2                           |
| Ecuador    |                    |                         | 15                         | ▲ 100,0                     | 0,1                           |
| Sri Lanka  | 15                 |                         | 15                         | ▲ 100,0                     | 0,1                           |
| Khác       | 5                  | ▼ 58,3                  | 32                         | ▼ 91,7                      | 0,2                           |
| Tổng       | 5.688              | ▲ 15,1                  | 15.374                     | ▲ 25,3                      | 100,0                         |

**Biểu đồ 7: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2025**

Đơn vị: nghìn tấn. Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam.

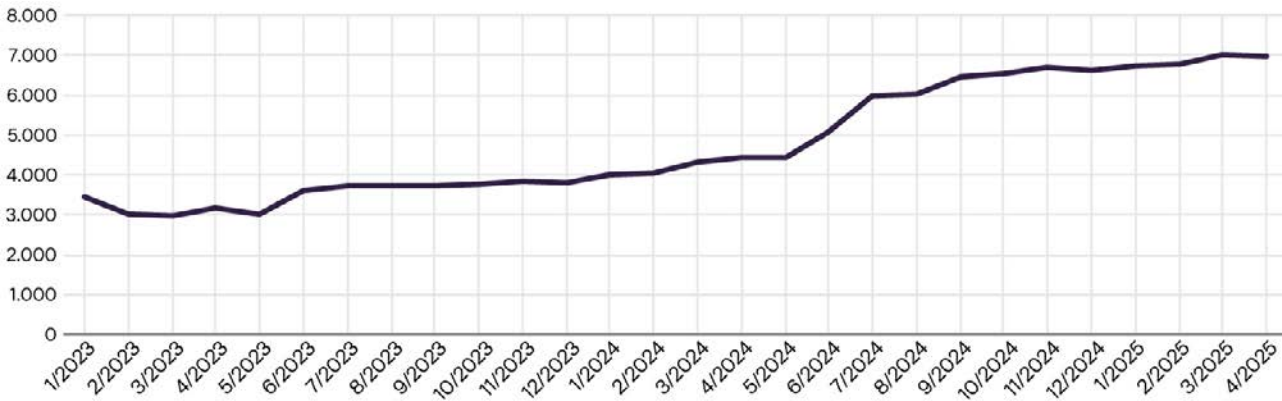


Giá tiêu xuất khẩu bình quân trong 4 tháng đầu năm đạt 6.903 tấn, tăng 62,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng trong tháng 4, giá xuất khẩu đạt 6.968 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng trước, nhưng tăng 57,1% so với tháng 4/2024 (**Biểu đồ 8**).

Xét theo chủng loại, tỷ trọng tiêu đen nguyên hạt trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã giảm từ 73,8% xuống còn 69,3% sau 4 tháng đầu năm. Trong khi đó, tỷ trọng các sản phẩm chế biến như tiêu đen xay, tiêu trắng xay hay mặt hàng có giá trị cao như tiêu trắng nguyên hạt lại tăng đáng kể (**Biểu đồ 9**).

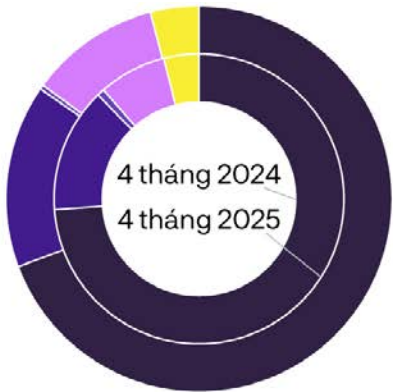
**Biểu đồ 8: Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2023 – 2025**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam.



**Biểu đồ 9: : Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2024 và 4 tháng đầu năm 2025**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam.



|                                         | 4 tháng 2024 | 4 tháng 2025 |
|-----------------------------------------|--------------|--------------|
| Tiêu đen nguyên hạt                     | 73,8%        | 69,3%        |
| Tiêu đen xay                            | 13,9%        | 15,4%        |
| Tiêu ngâm giấm, mộc, đầu đinh, xanh ... | 0,8%         | 0,4%         |
| Tiêu trắng nguyên hạt                   | 7,5%         | 10,9%        |
| Tiêu trắng xay                          | 3,9%         | 4,9%         |

Trong tháng 4, lượng hồ tiêu Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ giảm gần 10% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, nhiều thị trường khác như Đức, Ấn Độ, UAE, Hàn Quốc và đặc biệt là Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ.

Xu hướng này phản ánh diễn biến chung của hoạt động xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam từ đầu năm đến nay. Sau 4 tháng đầu năm, Mỹ vẫn là khách hàng lớn nhất của hồ tiêu Việt Nam, chiếm 24,1% tổng khối lượng và 26,1% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 17.761 tấn, tương đương 132,5 triệu USD. So với cùng kỳ năm

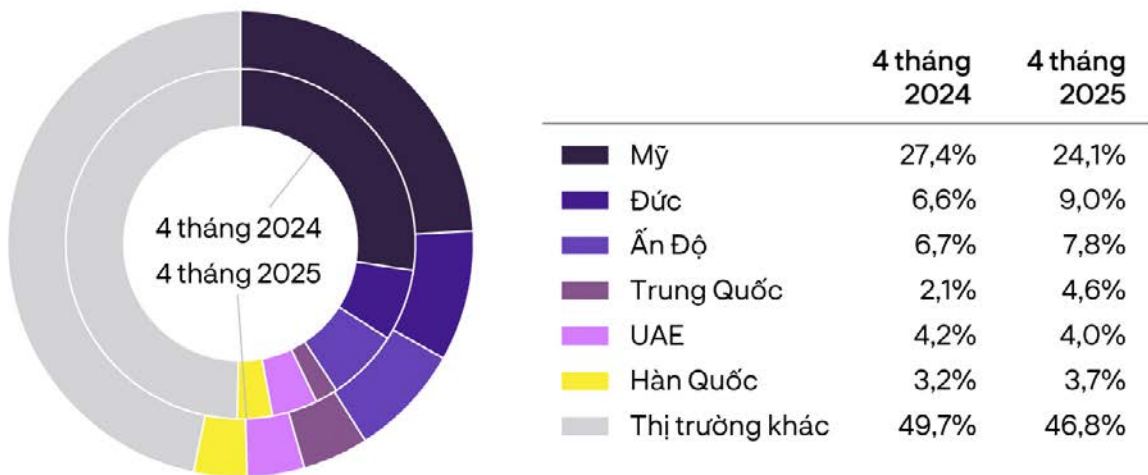
ngoái, xuất khẩu sang thị trường này giảm 22% về lượng nhưng lại tăng tới 32,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024.

Các thị trường lớn tiếp theo gồm Đức: 6.665 tấn, tăng 21%, Ấn Độ: 5.770 tấn, tăng 3,8%; Trung Quốc: 3.371 tấn, tăng 94,4%; UAE: 2.925 tấn, giảm 16,5%...

Mặc dù nhu cầu nhập khẩu của các thị trường biến động trái chiều, song giá trị thu về nhìn chung vẫn tăng trưởng ở mức hai con số nhờ giá bán cao hơn cùng kỳ năm trước (**Biểu đồ 10, Bảng 2**).

**Biểu đồ 10: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2024 và 4 tháng đầu năm 2025**

Nguồn: Số liệu từ VPSA và Cục Hải quan Việt Nam.



**Bảng 2: Một số thị trường xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025**

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam và VPSA.

| Thị trường | Tháng 4/2025 |                     | So với tháng 4/2024 |             | 4 tháng năm 2025 |                     | So với 4 tháng 2024 |             | Thị phần theo lượng (%) |              |
|------------|--------------|---------------------|---------------------|-------------|------------------|---------------------|---------------------|-------------|-------------------------|--------------|
|            | Lượng (tấn)  | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%)           | Trị giá (%) | Lượng (tấn)      | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%)           | Trị giá (%) | 4 tháng 2024            | 4 tháng 2025 |
| Tổng       | 26.428       | 184.138             | ▲ 0,7               | ▲ 58,3      | 73.647           | 508.367             | ▼ 11,3              | ▲ 44,4      | 100,0                   | 100,0        |
| Mỹ         | 6.767        | 49.319              | ▼ 9,7               | ▲ 41,1      | 17.761           | 132.524             | ▼ 22,0              | ▲ 32,4      | 27,4                    | 24,1         |
| Đức        | 2.206        | 17.050              | ▲ 23,4              | ▲ 96,0      | 6.665            | 49.335              | ▲ 21,0              | ▲ 87,8      | 6,6                     | 9,0          |
| Ấn Độ      | 2.495        | 17.694              | ▲ 41,8              | ▲ 147,4     | 5.770            | 41.194              | ▲ 3,8               | ▲ 84,1      | 6,7                     | 7,8          |
| Trung Quốc | 1.337        | 6.738               | ▲ 105,4             | ▲ 300,2     | 3.371            | 14.438              | ▲ 94,4              | ▲ 181,8     | 2,1                     | 4,6          |
| UAE        | 1.444        | 9.792               | ▲ 30,1              | ▲ 117,6     | 2.925            | 19.954              | ▼ 16,5              | ▲ 49,2      | 4,2                     | 4,0          |

| Thị trường  | Tháng 4/2025 |                     | So với tháng 4/2024 |             | 4 tháng năm 2025 |                     | So với 4 tháng 2024 |             | Thị phần theo lượng (%) |              |
|-------------|--------------|---------------------|---------------------|-------------|------------------|---------------------|---------------------|-------------|-------------------------|--------------|
|             | Lượng (tấn)  | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%)           | Trị giá (%) | Lượng (tấn)      | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%)           | Trị giá (%) | 4 tháng 2024            | 4 tháng 2025 |
| Hàn Quốc    | 904          | 6.205               | ▲ 73,5              | ▲ 146,1     | 2.717            | 18.353              | ▲ 1,2               | ▲ 54,3      | 3,2                     | 3,7          |
| Anh         | 640          | 5.128               | ▼ 5,7               | ▲ 55,5      | 2.334            | 17.056              | ▲ 22,7              | ▲ 97,9      | 2,3                     | 3,2          |
| Philippines | 580          | 3.195               | ▼ 41,1              | ▼ 10,9      | 2.223            | 12.360              | ▼ 25,0              | ▲ 21,8      | 3,6                     | 3,0          |
| Hà Lan      | 615          | 5.107               | ▼ 42,1              | ▼ 6,7       | 2.001            | 16.218              | ▼ 46,0              | ▼ 10,1      | 4,5                     | 2,7          |
| Thái Lan    | 460          | 3.807               | ▲ 66,7              | ▲ 168,8     | 1.865            | 15.050              | ▲ 1,9               | ▲ 61,9      | 2,2                     | 2,5          |
| Nga         | 765          | 5.417               | ▼ 35,1              | ▲ 5,5       | 1.675            | 11.842              | ▼ 29,8              | ▲ 18,1      | 2,9                     | 2,3          |
| Ai Cập      | 982          | 6.246               | ▲ 67,3              | ▲ 150,6     | 1.621            | 10.376              | ▼ 18,0              | ▲ 37,2      | 2,4                     | 2,2          |
| Pháp        | 350          | 1.539               | ▼ 34,5              | ▼ 34,0      | 1.517            | 6.548               | ▼ 1,8               | ▲ 5,4       | 1,9                     | 2,1          |
| Pakistan    | 713          | 4.760               | ▼ 1,1               | ▲ 57,6      | 1.386            | 9.084               | ▼ 42,8              | ▼ 0,2       | 2,9                     | 1,9          |
| Thổ Nhĩ Kỳ  | 660          | 4.179               | ▲ 10,6              | ▲ 63,0      | 1.378            | 8.740               | ▼ 19,1              | ▲ 32,1      | 2,1                     | 1,9          |
| Canada      | 344          | 2.776               | ▼ 16,9              | ▲ 40,1      | 1.305            | 9.762               | ▼ 9,0               | ▲ 51,2      | 1,7                     | 1,8          |
| Tây Ban Nha | 296          | 2.423               | ▲ 9,2               | ▲ 84,5      | 1.288            | 9.874               | ▲ 2,5               | ▲ 70,2      | 1,5                     | 1,7          |
| Nhật Bản    | 328          | 1.741               | ▲ 3,5               | ▲ 38,2      | 1.283            | 7.684               | ▲ 0,8               | ▲ 60,2      | 1,5                     | 1,7          |
| Senegal     | 516          | 3.248               | ▼ 14,9              | ▲ 32,4      | 1.158            | 6.836               | ▼ 3,1               | ▲ 46,3      | 1,4                     | 1,6          |
| Ả Rập Saudi | 336          | 2.420               | ▲ 6,0               | ▲ 101,0     | 885              | 6.263               | ▼ 30,8              | ▲ 22,0      | 1,5                     | 1,2          |
| Malaysia    | 182          | 1.299               | ▲ 38,9              | ▲ 110,7     | 801              | 5.886               | ▲ 32,2              | ▲ 115,0     | 0,7                     | 1,1          |
| Nam Phi     | 166          | 1.001               | ▼ 28,8              | ▲ 22,6      | 714              | 3.674               | ▼ 1,1               | ▲ 38,8      | 0,9                     | 1,0          |
| Ba Lan      | 149          | 908                 | ▼ 37,4              | ▼ 18,2      | 666              | 4.373               | ▼ 21,5              | ▲ 18,9      | 1,0                     | 0,9          |
| Australia   | 111          | 838                 | ▼ 48,8              | ▼ 17,2      | 521              | 3.841               | ▼ 19,1              | ▲ 30,8      | 0,8                     | 0,7          |
| Bi          | 149          | 1.120               | ▲ 119,1             | ▲ 266,0     | 330              | 2.505               | ▲ 48,6              | ▲ 158,1     | 0,3                     | 0,4          |
| Italy       | 132          | 1.016               | ▼ 30,2              | ▲ 17,4      | 326              | 2.545               | ▼ 65,5              | ▼ 39,0      | 1,1                     | 0,4          |
| Algeria     |              |                     |                     |             | 279              | 1.816               | ▼ 27,3              | ▲ 34,1      | 0,5                     | 0,4          |
| Singapore   | 120          | 841                 | ▲ 192,7             | ▲ 306,6     | 198              | 1.427               | ▲ 2,1               | ▲ 50,7      | 0,2                     | 0,3          |
| Ukraine     | 25           | 177                 |                     |             | 175              | 1.220               | ▲ 695,5             | ▲ 1.227,7   | 0,0                     | 0,2          |
| Kazakhstan  | 27           | 183                 | ▼ 47,1              | ▼ 4,6       | 159              | 909                 | ▼ 41,1              | ▼ 7,4       | 0,3                     | 0,2          |
| Kuwait      | 101          | 752                 | ▲ 21,7              | ▲ 84,6      | 149              | 1.105               | ▼ 21,2              | ▲ 29,9      | 0,2                     | 0,2          |
| Khác        | 2.528        | 17.219              | ▼ 17,4              | ▲ 27,1      | 8.201            | 55.577              | ▼ 12,0              | ▲ 42,3      | 11,2                    | 11,1         |

## 4 Diễn biến giá

Giá tiêu tại thị trường trong nước cũng chuyển động theo xu hướng giảm chung của thị trường thế giới. Tính đến ngày 30/4, giá hạt tiêu tại các vùng trồng chính trên cả nước dao động trong khoảng 154.000-150.000 đồng/kg, giảm 4.000 – 5.000 đồng/kg so với cuối tháng 3.

Cập nhật mới nhất đến ngày 20/5, giá thu mua tiêu tại các tỉnh thành sản xuất trọng điểm tiếp tục giảm thêm 3.000 – 4.000 đồng/kg, về mốc 150.000 – 153.000 đồng/kg.

**Như vậy, tính từ đầu tháng 4 đến ngày 20/5, giá tiêu nội địa đã giảm 4 – 5% (tương đương 7.000 – 9.000 đồng/kg). Chính sách thuế gần đây của Mỹ, dưới thời chính quyền Tổng thống Donald Trump vào tháng 4, đã ảnh hưởng đáng kể đến thị trường hồ tiêu Việt Nam, do Việt Nam là nước xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới.**

Theo đó, Mỹ dự kiến áp dụng mức thuế đối ứng lên đến 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, bao gồm cả mặt hàng hồ tiêu, do thặng

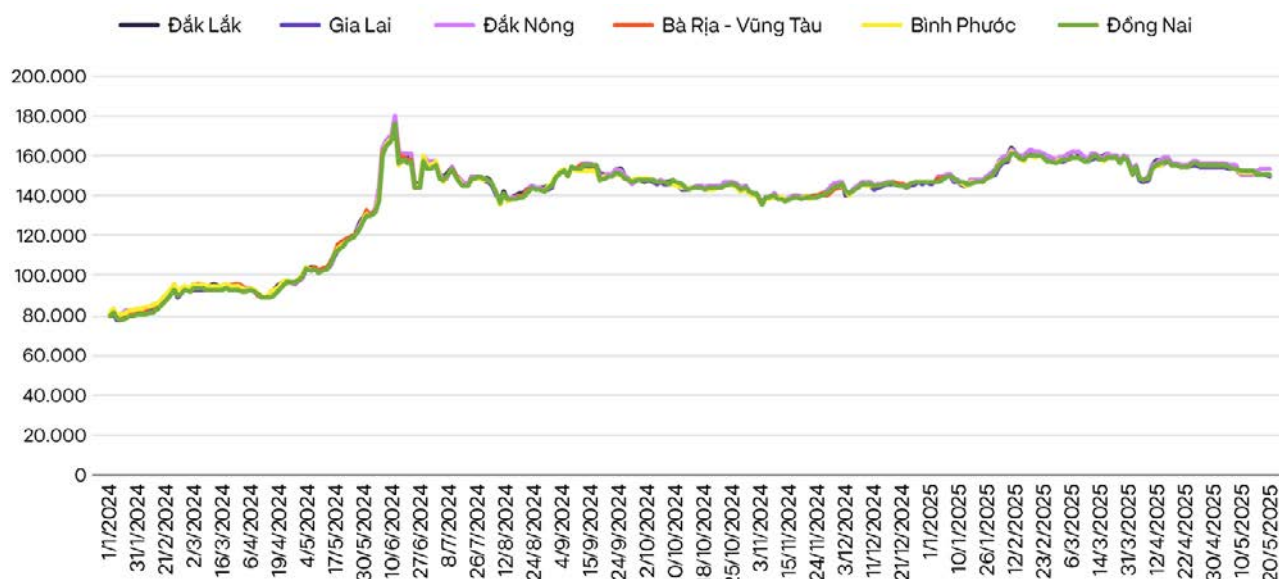
dư thương mại giữa hai nước đạt 123,5 tỷ USD trong năm 2024. Tuy nhiên, mức thuế này đang tạm thời được hoãn thi hành đến tháng 7/2025. Trong thời gian chờ đàm phán, Mỹ áp dụng mức thuế cơ bản 10%, nhằm tạo điều kiện cho các cuộc thương lượng song phương.

Nếu mức thuế 46% chính thức được áp dụng, nó sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế định hướng xuất khẩu của Việt Nam, khi mà xuất khẩu hiện chiếm hơn 87% GDP quốc gia. Ngành hồ tiêu nói riêng, cùng với nhiều ngành xuất khẩu chủ lực khác, có thể đối mặt với nguy cơ suy giảm đơn hàng, mất thị phần và gia tăng áp lực tài chính.

Mặc dù vẫn còn dư địa cho các cuộc đàm phán giữa các bên, nhưng tuyên bố của Tổng thống Mỹ Donald Trump về việc áp thuế trên diện rộng đối với hầu hết các đối tác thương mại của Mỹ đã gây tác động tức thì lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này dẫn đến chi phí tăng cao, biến động thị trường nguyên liệu đầu vào, và ảnh hưởng mạnh đến chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp logistics và khách hàng trên toàn thế giới (**Biểu đồ 11**).

**Biểu đồ 11: Diễn biến giá tiêu đen tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ từ năm 2024 đến ngày 20/5/2025**

Đơn vị: đồng/kg. Nguồn: trang Giatieu.com.



## 5 Dự báo

Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA) nhận định xuất khẩu tiêu trong quý II và thời gian tới sẽ tiếp tục gặp khó khăn do giá cao nên các nhà xuất khẩu và nhập khẩu bị áp lực về tài chính, đồng thời chính sách thuế của Mỹ có thể sẽ bị thay đổi nên các đơn hàng ký giao xa sẽ bị hạn chế trong thời điểm hiện tại. Để có thể duy trì được lượng xuất khẩu, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh xuất khẩu sang EU, Ấn Độ, Trung Đông cũng như cần tăng cường đầu tư mạnh vào chế biến sâu và xây dựng thương hiệu.

Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ 2024 và dự báo cho thấy nguồn dự trữ tại Trung Quốc đã xuống mức thấp. Tuy nhiên, việc xuất khẩu sang Trung Quốc vào thời điểm hiện tại vẫn còn hạn chế do chính sách thắt

chặt xuất khẩu qua đường biên mậu của hải quan Trung Quốc. Trong khi đó nếu xuất khẩu bằng đường biển thì chi phí sẽ tăng cao, các doanh nghiệp nhập khẩu Trung Quốc vẫn chưa sẵn sàng.

Dù vậy, một số yếu tố tích cực đang hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn, bao gồm việc chi phí vận tải biển đã giảm trong thời gian gần đây, cùng với tỷ giá đồng USD tăng, phần nào giúp giảm áp lực chi phí đầu vào.

**Trong bối cảnh hiện tại, chúng tôi cho rằng thị trường hồ tiêu nhiều khả năng sẽ trầm lắng trong ngắn hạn, khi hoạt động giao thương có thể chững lại do các doanh nghiệp chờ đợi những diễn biến tiếp theo trong quá trình đàm phán thuế quan giữa Việt Nam và Mỹ. ■**

# Phần III: HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Theo số liệu của VPSA, tính đến hết tháng 4, các doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu bao gồm: Olam Việt Nam: 7.692 tấn, giảm 8,0% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 10,4% thị phần xuất khẩu. Tiếp theo là các doanh nghiệp: Phúc Sinh: 6.712 tấn, tăng 32,2%; Nedspice: 6.635 tấn, giảm 6,4%; Trân Châu: 4.425 tấn, giảm 27,3% và Haprosimex JSC: 3.976 tấn, giảm 25,2%.

Các doanh nghiệp xuất khẩu tiêu trắng hàng đầu bao gồm: Olam Việt Nam: 1.628 tấn, Nedspice Việt Nam: 1.350 tấn và Phúc Sinh.

Tổng cộng 4 tháng đầu năm, các doanh nghiệp thuộc VPSA đã xuất khẩu 63.970 tấn hồ tiêu các loại, giảm 13,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 86,2% tổng xuất khẩu toàn ngành. Ngược lại, các doanh nghiệp ngoài VPSA ghi nhận mức tăng 15,1% với khối lượng đạt 10.280 tấn, chiếm 13,8% thị phần xuất khẩu **(Bảng 3)**. ■

**Bảng 3: TOP 30 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2025**

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

| S<br>T<br>T | Doanh nghiệp      | Năm 2025 (tấn)  |                 |                 |                 | Lũy kế<br>4 tháng<br>năm 2025<br>(tấn) | 4 tháng năm 2025<br>so với<br>4 tháng năm 2024<br>(%) | Tỷ trọng<br>4 tháng<br>năm 2025<br>(%) |
|-------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|             |                   | Tháng<br>1/2025 | Tháng<br>2/2025 | Tháng<br>3/2025 | Tháng<br>4/2025 |                                        |                                                       |                                        |
|             | <b>Tổng</b>       | <b>13.085</b>   | <b>14.331</b>   | <b>20.244</b>   | <b>26.590</b>   | <b>74.250</b>                          | <b>▼ 10,6</b>                                         | <b>100,0</b>                           |
|             | VPSA              | 10.953          | 12.502          | 17.910          | 22.605          | 63.970                                 | ▼ 13,7                                                | 86,2                                   |
|             | Non-VPSA          | 2.132           | 1.829           | 2.334           | 3.985           | 10.280                                 | ▲ 15,1                                                | 13,8                                   |
| 1           | Olam Việt Nam     | 1.428           | 1.498           | 2.183           | 2.583           | 7.692                                  | ▼ 8,0                                                 | 10,4                                   |
| 2           | Phúc Sinh         | 844             | 1.271           | 1.859           | 2.738           | 6.712                                  | ▲ 32,2                                                | 9,0                                    |
| 3           | Nedspice Việt Nam | 1.281           | 1.667           | 1.975           | 1.712           | 6.635                                  | ▼ 6,4                                                 | 8,9                                    |
| 4           | Pearl Group       | 631             | 658             | 1.317           | 1.819           | 4.425                                  | ▼ 27,3                                                | 6,0                                    |
| 5           | Haprosimex JSC    | 565             | 645             | 1.270           | 1.496           | 3.976                                  | ▼ 25,2                                                | 5,4                                    |
| 6           | Simexco Đắk Lắk   | 883             | 815             | 748             | 1.148           | 3.594                                  | ▲ 12,8                                                | 4,8                                    |
| 7           | DK Commodity      | 670             | 626             | 1.055           | 1.056           | 3.407                                  | ▲ 55,4                                                | 4,6                                    |
| 8           | Harris Spice      | 500             | 605             | 529             | 900             | 2.534                                  | ▼ 22,0                                                | 3,4                                    |
| 9           | Gia vị Sơn Hà     | 501             | 575             | 606             | 642             | 2.324                                  | ▼ 15,2                                                | 3,1                                    |
| 10          | Prosi Thăng Long  | 197             | 370             | 608             | 901             | 2.076                                  | ▼ 1,1                                                 | 2,8                                    |
| 11          | Ptexim Corp       | 513             | 455             | 620             | 459             | 2.047                                  | ▲ 8,8                                                 | 2,8                                    |
| 12          | Synthite Việt Nam | 342             | 170             | 396             | 1.014           | 1.922                                  | ▲ 32,3                                                | 2,6                                    |

Phần III. Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành

| S<br>T<br>T | Doanh nghiệp      | Năm 2025 (tấn)  |                 |                 |                 | Lũy kế<br>4 tháng<br>năm 2025<br>(tấn) | 4 tháng năm 2025<br>so với<br>4 tháng năm 2024<br>(%) | Tỷ trọng<br>4 tháng<br>năm 2025<br>(%) |
|-------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|             |                   | Tháng<br>1/2025 | Tháng<br>2/2025 | Tháng<br>3/2025 | Tháng<br>4/2025 |                                        |                                                       |                                        |
| 13          | Liên Thành        | 324             | 253             | 613             | 659             | 1.849                                  | ▼ 65,3                                                | 2,5                                    |
| 14          | Intimex Group     | 239             | 221             | 433             | 670             | 1.563                                  | ▼ 5,6                                                 | 2,1                                    |
| 15          | Sinh Lộc Phát     | 266             | 300             | 328             | 351             | 1.245                                  | ▼ 31,9                                                | 1,7                                    |
| 16          | Ottogi Việt Nam   | 192             | 288             | 288             | 432             | 1.200                                  | ▼ 2,0                                                 | 1,6                                    |
| 17          | Nhật Quang        | 215             | 240             | 385             | 311             | 1.151                                  | ▲ 69,3                                                | 1,6                                    |
| 18          | Hoàng Gia Luân    | 74              | 25              | 211             | 758             | 1.068                                  | ▲ 3,9                                                 | 1,4                                    |
| 19          | Expo Commodities  | 160             | 284             | 286             | 335             | 1.065                                  | ▼ 18,1                                                | 1,4                                    |
| 20          | Phúc Lợi          | 38              | 134             | 424             | 445             | 1.041                                  | ▼ 3,6                                                 | 1,4                                    |
| 21          | Saigon Spices     | 131             | 212             | 194             | 384             | 921                                    | ▲ 3.584,0                                             | 1,2                                    |
| 22          | Phong Hằng        | 28              | 153             | 335             | 333             | 849                                    | ▼ 27,3                                                | 1,1                                    |
| 23          | Pitco             | 175             | 161             | 142             | 250             | 728                                    | ▼ 56,1                                                | 1,0                                    |
| 24          | KSS Việt Nam      | 126             | 158             | 167             | 171             | 622                                    | ▼ 5,0                                                 | 0,8                                    |
| 25          | MKPRO             | 156             | 129             | 161             | 173             | 619                                    | ▲ 14,4                                                | 0,8                                    |
| 26          | Lã Mạnh Duy       | 434             | 88              | 56              |                 | 578                                    | ▲ 100,0                                               | 0,8                                    |
| 27          | Hanfimec Việt Nam | 96              | 164             | 131             | 185             | 576                                    | ▼ 65,7                                                | 0,8                                    |
| 28          | Gạo Lotus         | 112             | 96              | 140             | 152             | 500                                    | ▼ 19,6                                                | 0,7                                    |
| 29          | Generalexim       | 8               | 123             | 190             | 177             | 498                                    | ▲ 167,7                                               | 0,7                                    |
| 30          | Nguyễn Bá Nghĩa   |                 | 252             | 84              | 112             | 448                                    | ▲ 100,0                                               | 0,6                                    |
|             | Khác              | 1.956           | 1.695           | 2.510           | 4.224           | 10.385                                 | ▼ 24,1                                                | 14,0                                   |

# Phần IV: SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NGÀNH HỒ TIÊU



## Thương vụ khuyến nghị doanh nghiệp xuất khẩu sang Mỹ

Theo Báo Công Thương, ông Đỗ Ngọc Hưng - Tham tán thương mại, Trưởng Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Mỹ cho biết, thương mại hai nước Việt Nam – Mỹ đã và đang gặp phải những thách thức liên quan đến vấn đề thuế quan.

Tuy nhiên, trong thách thức vẫn còn cơ hội, nhiều tập đoàn bán lẻ hàng đầu của Mỹ như Walmart, Target (nhập khẩu hàng Việt Nam chiếm 30%), Costco, HomeDepot... vẫn lạc quan, thể hiện sự ủng hộ và tin tưởng phía Việt Nam sẽ đạt được thoả thuận với Mỹ, thông qua gỡ bỏ mức thuế đối ứng.

“Các doanh nghiệp, tập đoàn phân phối hàng đầu của Mỹ đang cân nhắc tham dự sự kiện “Kết nối chuỗi cung ứng hàng hóa quốc tế - Viet Nam International Sourcing & Diễn đàn xuất khẩu TP. Hồ Chí Minh 2025 diễn ra vào tháng 9/2025, do Bộ Công Thương phối hợp tổ chức, thực hiện” - ông Đỗ Ngọc Hưng thông tin và cho biết, có nhiều tín hiệu tích cực trong vấn đề đàm phán thuế quan hai nước.

Trong thời gian tới, để thúc đẩy hợp tác giao thương cũng như tăng cường cơ hội hợp tác giữa hai nước, ông Đỗ Ngọc Hưng đề xuất và kiến nghị, phía Việt Nam cần tăng cường hợp tác chiến lược với Mỹ nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trong quan hệ song phương giữa hai nước, từ công nghiệp đến thương mại, đầu tư, năng lượng, trí tuệ nhân tạo...

Ngoài ra, Thương vụ Việt Nam tại Mỹ kiến nghị, Việt Nam cần đa dạng hoá thị trường xuất khẩu thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới. Cùng với đó, kích thích nhu cầu nội địa thông qua các biện pháp thúc đẩy tiêu dùng trong nước.

Về phía doanh nghiệp, thương vụ khuyến nghị, doanh nghiệp cần nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước. Từ đó, củng cố xuất khẩu thông qua đầu tư vào việc nâng cao khả năng cạnh tranh tổng thể của các ngành công nghiệp quan trọng mang tính hỗ trợ, nền tảng, nâng cấp công nghệ, khuyến khích đổi mới, đơn giản hoá các quy định kinh doanh, cải thiện cơ sở hạ tầng để giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Mặt khác, cộng đồng doanh nghiệp cũng cần tăng cường khả năng phục hồi và đa dạng hoá chuỗi cung ứng, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn nguyên liệu thô và hàng hoá trung gian tập trung một thị trường. Đồng thời, thúc đẩy xuất khẩu với hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng trong nước sẽ góp phần nâng cao khả năng phục hồi của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài.

Liên quan đến công tác phòng vệ thương mại, ông Đỗ Ngọc Hưng cho rằng, do các quốc gia bị áp thuế có thể tăng cường các biện pháp bảo hộ thương mại, gây áp lực cạnh tranh lớn hơn cho thị trường Việt Nam. Vì vậy, việc hợp tác đầy đủ với phía Mỹ trong quá trình cung cấp thông tin cho các vụ kiện thương mại cũng là điều quan trọng để bảo vệ lợi ích doanh nghiệp và tránh các rủi ro pháp lý. ■

# Phụ lục

## NGUỒN THAM KHẢO

Cục Hải quan Việt Nam  
Bộ Công Thương  
Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSC)  
Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC)  
Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil  
(Comex Stat)  
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ  
(USITC)  
Tổng cục Hải quan Trung Quốc  
Nedspice Group  
Khmer Times  
Thehindubusinessline

## BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường hồ tiêu tháng 4/2025” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

## GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

## ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 1/2025
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 2/2025
- Báo cáo thị trường hồ tiêu quý I/2025

## THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

## MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

**Mrs. Trịnh Huyền Trang**

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

**Hotline:** 099 522 2999

**Email:** info@vietnambiz.vn



**Địa chỉ:** Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**Chi nhánh:** Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

**Hotline:** 0938.189.222 **Email:** [info@vietnambiz.vn](mailto:info@vietnambiz.vn)

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**